

Bản án số: 06/2018/HSST

Ngày: 07/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển

2. Bà Triệu Thị Danh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST, ngày 06 tháng 2 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Văn T; tên gọi khác: không; sinh năm 1989, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn I, xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn I, xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; Cha: Đặng Thanh B (đã chết); Mẹ: bà Bùi Thị C, sinh năm 1965 hiện sinh sống tại Thôn I, xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Tiền án: 02 tiền án: Ngày 19/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tuyên 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đến ngày 10 tháng 8 năm 2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Đến ngày 30 tháng 8 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam vào ngày 22 tháng 11 năm 2017. Có mặt.

Người bị hại: Chị Bàn Thị H, sinh năm 1989; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã E, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị M, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2016 đến tháng 8 năm 2017, Đặng Văn T chấp hành án tại Trại giam R, tổng cục VIII, Bộ Công an. Trong quá trình chấp hành án thì T quen biết với Lý Q cũng đang chấp hành án thì được Q cho số điện thoại 01695262415 của chị Bàn Thị H là vợ của Q để khi nào chấp hành xong hình phạt sẽ liên lạc với nhau. Đến ngày 23 tháng 8 năm 2017, T chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống, tại thôn I xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Do thiếu tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H. Để thực hiện ý định của mình vào khoảng 23 giờ ngày 18 tháng 11 năm 2017, T sử dụng điện thoại Nokia, bên trong có gắn thẻ sim số 0961518553 gọi đến số thuê bao số 01695262415 mà anh Q đã cho T trước đó để gọi cho chị H. Khi gọi điện cho chị H thì T giới thiệu với chị H lấy tên là Phạm Văn P, hiện là cán bộ giáo dục Trại giam R và thông báo với chị H là anh Q đang chấp hành án lại có hành vi đánh người khác gây thương tích và sẽ bị tăng án. Nếu không muốn tăng án thì đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng để lo việc cho anh Q. Vì tin tưởng T là cán bộ giáo dục của Trại giam R nên chị H đã đồng ý chuyển tiền cho T. Sau đó, T nhờ người đàn ông tên Phạm Văn P làm nghề xe ôm ở trước cổng khu du lịch X thuộc Phường O, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh nhận tiền giúp T thì người này đồng ý. Vào ngày 19 tháng 11 năm 2017, chị H đến trung tâm Viettel ở tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Đắk Lắk chuyển cho người nhận tên Phạm Văn P số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T cho P 500.000 đồng, còn lại 9.500.000 đồng thì T tiêu xài hết. Đến ngày 21 tháng 11 năm 2017, T tiếp tục hướng dẫn chị H đến Bưu điện huyện D chuyển tiền cho T số tiền 3.000.000 đồng và T nhờ chị Trần Thị M ở tổ dân phố Y, thị trấn S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận tiền. Do chị M không có chứng minh nên chị M nhờ mẹ chồng là bà Nguyễn Thị G để nhận tiền cho T. Sau khi chuyển tiền chị H liên lạc với Trại giam R thì được biết không có sự việc anh Q chồng chị H đánh người và sẽ bị tăng án nên chị H trình báo với Công an huyện Ea H'Leo. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã triệu tập Đặng Văn T đến làm việc và đồng thời thu giữ số tiền 3.000.000 đồng mà T chiếm đoạt của chị H.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã tiến hành thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, bên trong có gắn thẻ sim 0961518553 của Đặng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 của chị Bàn Thị H. Ngày 18 tháng 12 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 và số tiền 3.000.000 đồng cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, người bị hại chị Bàn Thị H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 12/KSĐT-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo để xét xử đối với bị cáo Đặng Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Qua phân tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đồng thời vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T nói trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã giao trả số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 cho chị Bàn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ đen. Tịch thu tiêu hủy thẻ sim điện thoại số 0961518553.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc Đặng Văn T phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị Bàn Thị H.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 23 giờ ngày 18 tháng 11 năm 2017, Đặng Văn T đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin sai sự thật để lừa đảo chiếm đoạt của chị Bàn Thị H, trú tại thôn V, xã E, huyện D, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 13.000.000 đồng.

Bị cáo T mặc dù đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể: Ngày 19/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tuyên 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án trên nhưng chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Vào ngày 10 tháng 8 năm 2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01

năm 6 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Đến ngày 30 tháng 8 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù và chưa được xoá án tích thì vào ngày 18 tháng 11 năm 2017 bị cáo lại tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Bàn Thị H với tổng số tiền là 13.000.000đồng. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T nói trên là tái phạm nguy hiểm.

Tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định như sau:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm;

Như vậy, hành vi của bị cáo T nói trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như đã viện dẫn nêu trên.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Mọi hành vi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp sẽ bị xử lý thích đáng theo quy định của pháp luật. Nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng kiếm tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xoá án tích nhưng bản thân không chịu tự giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Đối với người đàn ông tên Phạm Văn P đã nhận tiền giúp T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

Đối với Nguyễn Thị G và Trần Thị M là người nhận giúp T số tiền 3.000.000 đồng. Nhưng khi T nhờ, G và M không biết do T lừa đảo mà có nên không có cơ sở xử lý.

Xét Lời luận tội và đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã giao trả số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 cho chị Bàn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ đen. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại số 0961518553.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc Đặng Văn T phải bồi thường cho cho chị Bàn Thị H số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/11/2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã giao trả số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 cho chị Bàn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ đen. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại số 0961518553.

(Đặc điểm vật chứng được mô tả tại biên bản thu giữ, giao nhận vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị Bàn Thị H

Về án phí:

Bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển

2. Bà Triệu Thị Danh

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vào hồi giờ ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại phòng Nghị án,

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Đặng Thanh Tuấn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết của vụ án hình sự như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh Tuấn phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh Tuấn 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/11/2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã giao trả số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trắng, bên trong có gắn thẻ sim số 01695262415 cho chị Bàn Thị Huế Na là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ đen. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại số 0961518553.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Thanh Tuấn phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị Bàn Thị Huế Na.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Về án phí:

Bị cáo Đặng Thanh Tuấn phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc vào lúc giờ ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

